VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 26/2018/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018*

THÔNG TƯ

Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị

Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông và Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia và việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị với đường sắt đô thị (sau đây gọi tắt là kết nối các tuyến đường sắt) là việc kết nối đường sắt, hệ thống thông tin, tín hiệu phục vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt, hệ thống điện sức kéo và các công trình, thiết bị phụ trợ khác của đường giữa tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia hoặc đường sắt đô thị với đường sắt đô thị để các đoàn tàu có thể chạy từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia hoặc từ tuyến đường sắt đô thị này sang tuyến đường sắt đô thị khác và ngược lại.

2. Khu vực kết nối là phạm vi được giới hạn bởi đoạn đường sắt (kể cả ga đường sắt) và đất dành cho đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, đường sắt quốc gia của khu gian liền kề với vị trí kết nối.

Điều 4. Nguyên tắc kết nối

1. Việc kết nối và vị trí kết nối các tuyến đường sắt phải phù hợp với quy hoạch về đường sắt và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc khai thác các tuyến đường sắt sau khi kết nối phải bảo đảm hiệu quả, tạo động lực phát triển hơn so với khi chưa kết nối; bảo đảm đồng bộ, an toàn, quốc phòng, an ninh, phòng chống cháy nổ, cứu hộ, cứu nạn, cảnh quan đô thị và bảo vệ môi trường.

3. Việc kết nối các tuyến đường sắt không làm ảnh hưởng đến vận hành, khai thác, an toàn giao thông của các tuyến đường sắt liên quan.

4. Việc điều hành giao thông vận tải trên tuyến đường sắt sau khi kết nối phải tuân thủ theo quy định của Luật Đường sắt và thực hiện như sau:

a) Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia chủ trì, phối hợp và thống nhất với chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng hoặc doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị khi kết nối với đường sắt quốc gia;

b) Doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị trên tuyến đường sắt đô thị sẽ được kết nối chủ trì, phối hợp và thống nhất với doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị trên tuyến đường sắt đô thị có nhu cầu kết nối.

5. Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình kết nối các tuyến đường sắt phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và phải được sự chấp thuận của Bộ Giao thông vận tải khi kết nối với đường sắt quốc gia hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khi kết nối với đường sắt đô thị.

6. Trường hợp cần kết nối các tuyến đường sắt đô thị để dùng chung kết cấu hạ tầng hoặc kết nối tạm để phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

7. Trường hợp các tuyến đường sắt đô thị do một chủ đầu tư thực hiện đã có kế hoạch chạy tàu thông tuyến, thiết kế kỹ thuật, công nghệ đồng bộ và phù hợp với chủ trương kết nối đã được chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thì được miễn giấy phép kết nối.

Điều 5. Điều kiện kết nối

1. Việc kết nối các tuyến đường sắt phải được cấp có thẩm quyền cho phép và chỉ được thực hiện khi có giấy phép kết nối theo quy định tại Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối phải tương thích với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của tuyến đường sắt sẽ được kết nối.

3. Khổ giới hạn đầu máy toa xe và tải trọng đoàn tàu khi khai thác từ tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối vào tuyến đường sắt sẽ được kết nối không được vượt quá khổ giới hạn đầu máy toa xe, tải trọng cho phép cho từng đoạn, khu đoạn, tuyến đường sắt sẽ được kết nối theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khai thác đường sắt và công lệnh tải trọng đã công bố.

4. Việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị chỉ thực hiện đối với các tuyến đồng nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng trong xây dựng, bảo trì kết cấu hạ tầng, chế tạo đoàn tàu đồng thời bảo đảm công tác quản lý điều hành chạy tàu liên tục, thông suốt, an toàn và hiệu quả.

Điều 6. Nội dung kết nối các tuyến đường sắt

1. Kết nối kỹ thuật giữa các tuyến đường sắt gồm:

a) Kết nối công trình đường sắt, hệ thống thông tin, tín hiệu giao thông đường sắt, hệ thống điện sức kéo;

b) Kết nối các trung tâm điều hành giao thông vận tải của các tuyến đường sắt bảo đảm điều hành thống nhất, tập trung hoạt động giao thông vận tải trên tuyến đường sắt đã được kết nối;

c) Đấu nối không gian và đấu nối kỹ thuật với các công trình lân cận có liên quan tại vị trí kết nối bảo đảm tính đồng bộ theo quy hoạch.

2. Thống nhất phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối bảo đảm hoạt động vận tải đường sắt thông suốt, an toàn, bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KẾT NỐI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT; THU HỒI, HỦY GIẤY PHÉP KẾT NỐI

Điều 7. Thẩm quyền chấp thuận chủ trương, cấp giấy phép kết nối, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối

1. Bộ Giao thông vận tải chấp thuận chủ trương, cấp giấy phép kết nối, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép kết nối, gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối có thời hạn, quyết định bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đường sắt đô thị chấp thuận chủ trương, cấp giấy phép kết nối, gia hạn, thu hồi, hủy giấy phép kết nối, gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối có thời hạn, quyết định bãi bỏ kết nối đối với:

a) Các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý;

b) Các tuyến đường sắt đô thị với tuyến đường sắt đô thị đi qua địa giới hành chính hai tỉnh trở lên trong trường hợp vị trí kết nối trên địa bàn quản lý.

Điều 8. Thủ tục chấp thuận chủ trương kết nối

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Quy hoạch xây dựng tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng đề nghị kết nối được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bình đồ khu vực kết nối;

d) Bình diện, trắc dọc đường sắt khu vực kết nối;

đ) Phương án kỹ thuật kết nối: đường sắt; hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt tại khu vực kết nối; trung tâm điều hành giao thông vận tải; đấu nối không gian và đấu nối kỹ thuật với các công trình liên quan tại vị trí kết nối.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền có văn bản chấp thuận chủ trương kết nối. Trường hợp không chấp thuận phải có văn bản nêu rõ lý do.

Văn bản chấp thuận chủ trương kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này.

Điều 9. Thủ tục cấp giấy phép kết nối

1. Hồ sơ đề nghị bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Thông tư này;

b) Bản sao các tài liệu sau:

Quyết định đầu tư dự án kết nối các tuyến đường sắt;

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công các công trình tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và hồ sơ bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ đã được phê duyệt kèm theo Quyết định phê duyệt theo quy định của pháp luật;

Phương án tổ chức thi công kết nối các công trình tại điểm đ khoản 1 Điều 8 của Thông tư này và biện pháp bảo đảm an toàn thi công, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ trong khu vực kết nối;

Phương án tổ chức chạy tàu trên tuyến đường sắt đã được kết nối và giải pháp bảo đảm an toàn giao thông sau khi kết nối.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kết nối trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

3. Thời hạn giải quyết hồ sơ: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép kết nối. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

Giấy phép kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 của Thông tư này.

4. Sau khi đã hoàn thành kết nối, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quyết định công bố, điều chỉnh hệ thống đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

Điều 10. Thủ tục gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối

1. Gia hạn giấy phép kết nối là việc kéo dài thời gian so với thời gian quy định trong giấy phép đã được cấp trong các trường hợp sau:

a) Gia hạn thời gian thi công kết nối khi tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đường sắt có nhu cầu kết nối chưa thể hoàn thành thi công kết nối trong thời gian quy định của giấy phép được cấp do điều chỉnh quy hoạch hoặc điều chỉnh dự án có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kết nối, do ảnh hưởng của thiên tai, sự cố môi trường, địch họa, hỏa hoạn hoặc các yếu tố bất khả kháng khác;

b) Gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối khi tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đường sắt đã được kết nối có nhu cầu tiếp tục khai thác, sử dụng kết nối sau khi hết thời gian quy định của giấy phép được cấp do xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội nếu tiếp tục khai thác, sử dụng kết nối.

2. Bãi bỏ kết nối khi tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đường sắt đã được kết nối không còn nhu cầu sử dụng kết nối.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối:

a) Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian thi công kết nối gồm: đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này; bản sao các văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian thi công kết nối theo giấy phép được cấp và tiến độ tổng thể dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hồ sơ đề nghị gia hạn thời gian khai thác, sử dụng kết nối gồm: đơn đề nghị gia hạn của chủ đầu tư theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này; bản sao các văn bản pháp lý chứng minh lý do đề nghị kéo dài thời gian khai thác, sử dụng kết nối theo giấy phép được cấp;

c) Hồ sơ đề nghị bãi bỏ kết nối gồm: đơn đề nghị bãi bỏ kết nối của tổ chức, cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này; phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ kết nối.

4. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân, chủ sở hữu công trình đã được cấp giấy phép kết nối có nhu cầu gia hạn giấy phép, bãi bỏ kết nối nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải lập 01 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép kết nối hoặc đề nghị bãi bỏ kết nối, nộp trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ phải có văn bản hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân hoàn thiện.

5. Thời hạn giải quyết hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan có thẩm quyền gia hạn kết nối. Trường hợp không gia hạn phải có văn bản nêu rõ lý do.

a) Quyết định gia hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này;

Mỗi giấy phép chỉ được gia hạn một lần;

Thời gian gia hạn thi công kết nối không quá 12 tháng đồng thời không vượt quá thời gian thực hiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Thời gian gia hạn khai thác, sử dụng kết nối không quá 12 tháng đồng thời không nhiều hơn thời gian được phép khai thác, sử dụng kết nối quy định trong giấy phép được cấp;

b) Quyết định bãi bỏ kết nối theo mẫu quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này.

6. Sau khi đã gia hạn thời gian sử dụng kết nối có thời hạn, hoàn thành việc bãi bỏ kết nối, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quyết định công bố, điều chỉnh hệ thống đường sắt theo quy định của Luật Đường sắt.

Điều 11. Thu hồi, hủy giấy phép kết nối

1. Các trường hợp giấy phép kết nối bị thu hồi, hủy:

a) Giấy phép được cấp không đúng theo quy định của pháp luật;

b) Chủ đầu tư dự án tổ chức thực hiện hoặc trực tiếp thực hiện thi công không đúng nội dung của giấy phép. Trong thời hạn quá 1/3 thời gian thi công kết nối trong giấy phép kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện và yêu cầu bằng văn bản nhưng chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc khắc phục các vi phạm theo yêu cầu;

c) Chủ đầu tư dự án vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt, an toàn giao thông đường sắt, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong khu vực kết nối;

d) Sau 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép mà chủ đầu tư vẫn chưa triển khai thi công kết nối.

2. Cơ quan cấp giấy phép hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi, hủy giấy phép, đồng thời thông báo cho các đơn vị liên quan đến việc thực hiện giấy phép.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC KẾT NỐI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT

Điều 12. Đối với Cục Đường sắt Việt Nam

1. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đường sắt trong việc kết nối ray các tuyến đường sắt.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện theo nội dung giấy phép kết nối đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia.

Điều 13. Đối với cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý về đường sắt đô thị

1. Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản lý về đường sắt đô thị theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra việc thực hiện theo nội dung giấy phép kết nối các tuyến đường sắt đô thị trên địa bàn quản lý.

Điều 14. Doanh nghiệp kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia, doanh nghiệp kinh doanh đường sắt đô thị

1. Có trách nhiệm tham gia ý kiến khi nhận được yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các nội dung ý kiến đã tham gia.

2. Trước khi khởi công công trình kết nối:

a) Thống nhất với tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối về phương án tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, thời gian thi công, thời gian phong tỏa phục vụ thi công khi kết nối với tuyến đường sắt thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, có văn bản thống nhất hoặc văn bản nói rõ lý do không thống nhất và gửi tổ chức, cá nhân đề nghị;

b) Bàn giao hiện trường cho tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối.

3. Trong thời gian thi công công trình: Kiểm tra, đôn đốc và yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị kết nối thực hiện đúng nội dung giấy phép kết nối được cấp, phương án bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường. Trường hợp phát hiện nguy cơ mất an toàn trong quá trình thi công, đề nghị chủ đầu tư dự án tạm dừng thi công để có biện pháp khắc phục; báo cáo cơ quan cấp giấy phép kết nối để xử lý theo quy định.

4. Sau khi hoàn thành công trình: Tham gia nghiệm thu, tiếp nhận lại hiện trường và hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối để quản lý, theo dõi, khai thác theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có đường sắt mới kết nối để bảo đảm các nguyên tắc kết nối quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Điều 15. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối các tuyến đường sắt

1. Trước khi phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 của Thông tư này để được chấp thuận chủ trương kết nối.

2. Thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Thông tư này để được cấp, gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối.

3. Trước khi khởi công công trình kết nối:

a) Thống nhất với doanh nghiệp nêu tại Điều 14 của Thông tư này về phương án tổ chức thi công, biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, thời gian thi công, thời gian phong tỏa phục vụ thi công khi kết nối với tuyến đường sắt;

b) Tiếp nhận hiện trường để triển khai thực hiện việc kết nối theo giấy phép.

4. Trong thời gian thi công công trình kết nối:

a) Thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại giấy phép kết nối;

b) Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công.

5. Sau khi hoàn thành công trình kết nối, bàn giao hiện trường và hồ sơ hoàn công công trình trong khu vực kết nối cho doanh nghiệp nêu tại Điều 14 của Thông tư này để quản lý, theo dõi, khai thác theo quy định.

6. Phối hợp với doanh nghiệp nêu tại Điều 14 của Thông tư này trong việc bảo đảm các nguyên tắc kết nối quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

7. Duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định và bảo đảm nguồn kinh phí để quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối. Có biện pháp gia cố kịp thời bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình hư hỏng.

8. Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng đối với kết nối có thời hạn. Phải bồi thường khi gây ra thiệt hại cho công trình đường sắt, an toàn giao thông vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

2. Thông tư số 05/2011/TT-BGTVT ngày 22 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn về việc kết nối các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Đông

PHỤ LỤC 1

Mẫu văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(..1..) (..2..)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v....(4).....	.....*(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...*

Kính gửi:....(5)....

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: Số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã)..... quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

- Căn cứ quy hoạch *(nêu tên quy hoạch)* được *(nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch)* tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ chủ trương nghiên cứu dự án.....

Sau khi nghiên cứu Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị.....(2)..... đề nghị...(5)... chấp thuận chủ trương kết nối tuyến đường sắt....(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)...., thời hạn..... mục đích để.....

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(7)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối.....

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối.....

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử - văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).

- Các nội dung khác.....

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*

5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....

6. Thời gian thi công kết nối dự kiến.....

7. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:.....

8. Phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi kết nối.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

PHỤ LỤC 2

Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(..1..) (..2..)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v....(4).....	.....*(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...*

Kính gửi:....(5)....

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ văn bản số..... của.....(5)..... chấp thuận chủ trương kết nối.....

- Căn cứ Quyết định đầu tư *(ghi rõ số quyết định đầu tư dự án liên quan đến hạng mục cần đề nghị cấp giấy phép kết nối)*;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt thiết kế *(nêu rõ số quyết định phê duyệt thiết kế, cơ quan phê duyệt, bước thiết kế);*

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....

quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

I. .....(2)..... đề nghị.....(5)..... cấp giấy phép kết nối tuyến đường sắt.....(6)..... với tuyến đường sắt.....(7)...., với các nội dung như sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(7)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối.....

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối.....

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử - văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).

- Các nội dung khác.....

4. Cam kết về kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình đường sắt tại vị trí kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*

5. Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; từ đường sắt đô thị vào đường sắt đô thị và ngược lại; phương án dồn dịch toa xe...)*.

6. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....:

7. Thời gian thi công kết nối:....

8. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:....

9. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

II. .....(2)..... cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép kết nối.

- Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối.

- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công; quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ công trình, thiết bị kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với kết nối có thời hạn).

Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này./.

(Kèm theo Đơn này là... bộ hồ sơ thiết kế.... (mã hiệu, ký hiệu hồ sơ) đã được cấp thẩm quyền... phê duyệt)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

PHỤ LỤC 3

Mẫu đơn đề nghị gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(..1..) (..2..)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v....(4).....	*.....(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...*

Kính gửi:...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của...(5)... về việc kết nối tuyến đường sắt....(6).... với tuyến đường sắt...(7)..;

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....

quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

...(2).... đề nghị....(5)... cho phép được gia hạn..... (*nêu rõ gia hạn thời gian thi công kết nối hoặc thời gian khai thác sử dụng tuyến đường sắt kết nối*), với các nội dung sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(7)....:

3. Lý do đề nghị gia hạn:.....

4. Thời gian đề nghị gia hạn đến ngày.... tháng.... năm.....

5. Cam kết của tổ chức, cá nhân.... xin gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép đã được cấp và Quyết định gia hạn kết nối.

- Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này.

6. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(7): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

PHỤ LỤC 4

Mẫu đơn đề nghị bãi bỏ vị trí kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

(..1..) (..2..)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v....(4).....	*.....(3)....., ngày..... tháng.... năm 20...*

Kính gửi:...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ quy hoạch bãi bỏ kết nối.... *(nêu tên quy hoạch)* được *(nêu rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch)* tại quyết định số ngày tháng năm .

- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của...(5).. về việc kết nối tuyến đường sắt....(6).... với đường sắt...(7).....;

(.....2.....) đại diện bởi:.....; chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ: số nhà:..... đường (xóm)..... phường (xã).....

quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

...(2).... đề nghị.... (5)... cho phép được bãi bỏ vị trí kết nối với các nội dung sau:

1. Tên tuyến đường sắt đề nghị bãi bỏ kết nối:.....

2. Địa điểm vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

3. Vị trí kết nối đề nghị bãi bỏ: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt...(6)....:

4. Lý do đề nghị bãi bỏ:.....

5. Phương án hoàn trả mặt bằng tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ *(Nêu rõ phương án, kinh phí hoàn trả mặt bằng công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối)*.

6. Phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí kết nối *(Nêu rõ phương án tổ chức thi công, tháo dỡ công trình tại vị trí bãi bỏ kết nối)*.

7. Phương án bàn giao mặt bằng sau khi bãi bỏ kết nối *(nêu rõ thời gian bắt đầu và kết thúc tháo dỡ kết nối; thời gian bàn giao mặt bằng sau khi tháo dỡ; đơn vị bàn giao, tiếp nhận mặt bằng trước và sau khi tháo dỡ)*

8. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

- Quản lý, sử dụng vật tư thu hồi sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

9. Tác động đối với kinh tế - xã hội của địa phương nơi có vị trí kết nối sau khi bãi bỏ vị trí kết nối.

10. (.....2.....) gửi kèm theo các tài liệu sau:.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA...(2)...
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1): Tên tổ chức, cá nhân hoặc cơ quan cấp trên của tổ chức đề nghị bãi bỏ kết nối (nếu có).

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị bãi bỏ kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Trích yếu nội dung văn bản đề nghị.

(5): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(6): Tên tuyến đường sắt đang được kết nối với đường sắt quốc gia hoặc đường sắt đô thị đề nghị bãi bỏ.

(7) Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị đang có kết nối.

PHỤ LỤC 5

Mẫu văn bản chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

....(1)....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../.....	
V/v....(3).....	*.....(2)....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:...(4)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ....;

- Sau khi xem xét hồ sơ kèm theo văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối số...../..... ngày... tháng..... năm.... của...(4)...., về việc kết nối tuyến đường sắt...(5).... với tuyến đường sắt...(6)...;

...(1)..... chấp thuận chủ trương kết nối tuyến đường sắt.....(5)..... với tuyến đường sắt..(6)..., với những nội dung chủ yếu sau:

1. Địa điểm vị trí kết nối: thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

2. Vị trí kết nối: Tại ga... km..... trên tuyến đường sắt....(6)....:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

3. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối... (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối.....

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối.....

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử - văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).

- Các nội dung khác.....

4. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối.....

5. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....

6. Thời gian thi công kết nối dự kiến.....

7. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:.....

8. Phương án quản lý, sử dụng và bảo vệ:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

9. Các vấn đề khác.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(2): Địa danh.

(3): Trích yếu nội dung văn bản.

(4): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận chủ trương kết nối.

(5): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(6): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

PHỤ LỤC 6

Mẫu giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(1).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*.....(3)....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP

Kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ văn bản số..... của....(6)... chấp thuận chủ trương kết nối.....

- Căn cứ Quyết định đầu tư....;

- Căn cứ Quyết định phê duyệt thiết kế....;

- Xét Đơn đề nghị số...../..... ngày... tháng..... năm.... của....(1)..., về việc kết nối tuyến đường sắt....(4).... với tuyến đường sắt..(5).. ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức (cá nhân) được phép kết nối:.....(7).....

- Địa chỉ: số nhà:..... đường..... phường (xã)..... quận (huyện)..... tỉnh, thành phố:.....

Điều 2. Nội dung kết nối:

1. Mục đích của việc kết nối: *(Nêu rõ mục đích của việc kết nối tuyến đường sắt... vào tuyến đường sắt.....).*

2. Địa điểm vị trí kết nối thuộc địa bàn xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố).....

3. Vị trí kết nối: Tại ga...km..... trên tuyến đường sắt... (5)...:

- Số lượng đường ga tại vị trí kết nối;

- Chiều dài đường ga của các đường ga tại vị trí kết nối;

- Tín hiệu chạy tàu tại vị trí kết nối;

4. Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối:

- Cấp kỹ thuật của đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Khổ đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công nghệ áp dụng của đường sắt có nhu cầu kết nối... (*yêu cầu ghi chi tiết tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ áp dụng*).

- Tải trọng đoàn tàu, chiều dài đoàn tàu sẽ khai thác sau khi kết nối....

- Khổ giới hạn tiếp giáp kiến trúc và khổ giới hạn đầu máy toa xe đang áp dụng cho tuyến đường sắt có nhu cầu khai thác.....

- Hệ thống tín hiệu chạy tàu, điều hành giao thông vận tải của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Bình diện đường sắt khu vực kết nối.....

- Trắc dọc đường sắt khu vực kết nối.....

- Tiêu chuẩn bề rộng nền đường của tuyến đường sắt có nhu cầu kết nối.....

- Các công trình ngoài đường sắt (công trình đường bộ; công trình đường thủy nội địa; công trình hàng hải; công trình lưới điện cao áp; công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; công trình di tích lịch sử - văn hóa) đang nằm trong đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối... (*yêu cầu liệt kê rõ*).

- Các nội dung khác.....

5. Kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình kết nối *(ghi rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chịu kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì, khai thác)*

6. Phương án vận tải: *(Phương án tổ chức chạy tàu từ đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng vào đường sắt quốc gia; từ đường sắt đô thị vào đường sắt đô thị và ngược lại; phương án dồn dịch toa xe...).*

7. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy, nổ.....:

8. Thời gian thi công kết nối:....

9. Thời gian khai thác, sử dụng kết nối:....

10. Phương án quản lý, sử dụng:

- Đất và tài sản trên đất dành cho đường sắt tại vị trí kết nối khi kết nối.

- Quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng đường sắt tại vị trí kết nối sau khi kết nối.

Điều 3. Trách nhiệm của tổ chức (cá nhân) được phép kết nối

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung theo giấy phép kết nối này.

2. Chịu toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối.

3. Mang Giấy phép này đến..... *(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này)* để nhận bàn giao mặt bằng hiện trường; tiến hành thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn giao thông khi thi công trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

4. Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông vận tải đường sắt và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình thi công; quản lý, bảo trì công trình và thiết bị trong khu vực kết nối trong quá trình khai thác, sử dụng. Kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng, nếu không thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông, gây mất an toàn giao thông sẽ bị đình chỉ thi công; chịu mọi trách nhiệm liên quan đến tai nạn giao thông và chi phí thiệt hại khác (nếu có), ngoài ra còn chịu xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Mời đại diện.... *(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này)* tham gia khi tổ chức nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Bàn giao lại mặt bằng, hiện trường và nộp hồ sơ hoàn công cho..... *(Tên doanh nghiệp quy định tại Điều 14 Thông tư này).*

6. Bảo trì, duy trì trạng thái kỹ thuật ổn định của công trình trong suốt quá trình khai thác, sử dụng; có biện pháp gia cố kịp thời bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt khi phát hiện hoặc nhận được tin báo công trình có hư hỏng.

7. Tự di chuyển vị trí kết nối hoặc cải tạo công trình trong khu vực kết nối và không đòi bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tự tháo dỡ công trình, thiết bị kết nối và chịu mọi chi phí tháo dỡ khi hết hạn sử dụng (đối với kết nối có thời hạn).

8. Thực hiện các trách nhiệm khác liên quan đến tổ chức, cá nhân có nhu cầu kết nối theo quy định của Thông tư.....

9. Hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của những thông tin, hồ sơ đã cung cấp và các nội dung đã cam kết theo đơn này.

Điều 4. Hiệu lực của quyết định:

Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày ký./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
-.....;
-.....;
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

(6): Tên cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kết nối quy định tại Điều 7 Thông tư này.

(7): Tên tổ chức (cá nhân) được cấp giấy phép kết nối.

PHỤ LỤC 7

Mẫu quyết định gia hạn giấy phép kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(1).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*.....(3)....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn giấy phép kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của....(2).... về việc kết nối tuyến đường sắt....(4).... với tuyến đường sắt...(5)...;

- Xét Đơn đề nghị số.../.... ngày... tháng.... năm.... của....(6)..., về việc gia hạn kết nối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn (*ghi rõ gia hạn thời gian thi công kết nối hoặc thời gian khai thác, sử dụng tuyến đường sắt kết nối*) giấy phép kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...của....(2).....cấp cho...(6)....

Điều 2. Các nội dung khác, những yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép và chủ quản lý sử dụng công trình giữ nguyên như Giấy phép kết nối số..... ngày.... tháng..... năm.....

Điều 3. Thời gian gia hạn kết nối:

Quyết định gia hạn này có thời hạn từ ngày..../...../20....đến hết ngày..../..../20.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu VT.

Ghi chú:

(1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng có nhu cầu kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị sẽ kết nối vào.

(6): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép kết nối.

PHỤ LỤC 8

Mẫu quyết định bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

.....(1).....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
.....(2).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*.....(3)....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)...

- Căn cứ Luật Đường sắt số 06/2017/QH14 ngày 16/6/2017;

- Căn cứ Thông tư số /TT-BGTVT, ngày tháng năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thực hiện kết nối ray đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng với đường sắt quốc gia; việc kết nối ray các tuyến đường sắt đô thị;

- Căn cứ Quyết định số...../..... ngày... tháng... năm..... của....(2)... về việc kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)... ;

- Xét Đơn đề nghị số...../..... ngày... tháng..... năm.... của....(6)..., về việc bãi bỏ kết nối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ kết nối tuyến đường sắt...(4)... với tuyến đường sắt...(5)... từ.... giờ..... ngày.... tháng..... năm....

Điều 2. Những yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân bãi bỏ kết nối:

- Chịu trách nhiệm tháo dỡ công trình và chịu mọi chi phí tháo dỡ, phục hồi lại trạng thái kết cấu hạ tầng đường sắt ban đầu.

- Bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt và bảo vệ môi trường trong quá trình tháo dỡ.

- Bàn giao lại mặt bằng cho....(7)..... sau khi tháo dỡ kết nối.

Điều 3. Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan thực hiện.....

Điều 4....(6)..... và Thủ trưởng các đơn vị liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:	**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
- Như trên;	(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
-.....;	
-.....;	
- Lưu VT.	

Ghi chú:

(1): Tên cơ quan cấp trên của cơ quan cấp giấy phép kết nối (nếu có).

(2): Tên cơ quan cấp giấy phép kết nối.

(3): Địa danh.

(4): Tên tuyến đường sắt đô thị hoặc tuyến đường sắt chuyên dùng đang kết nối và lý trình tại vị trí kết nối của tuyến đường sắt này.

(5): Tên tuyến đường sắt quốc gia hoặc tuyến đường sắt đô thị đang được kết nối vào.

(6): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị bãi bỏ kết nối.

(7): Tên tổ chức, cá nhân nêu tại Điều 14 Thông tư này.